TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: **145/**2019/HNGĐ- ST
Ngày 19/6/2019
"Về việc tranh chấp L hôn, nuôi con khi L hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Thái Thịnh.
2. Bà Dương Thị Sơn.

Thư ký phiên toà: Ông H1g Kỳ Khôi - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 19/6/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2019/TLST- HNGĐ, ngày 14 tháng 01 năm 2019 về việc Tranh chấp L hôn, nuôi con khi L hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST- HNGĐ, ngày 14/5/2019; quyết định hoãn phiên tòa số 18/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 03/6/2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Anh Khổng Văn Th, sinh năm 1983.

* *Bị đơn:* Chị Đặng Thị H, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

(anh Th có mặt; chị H vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Khổng Văn Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đặng Thị H kết hôn có tổ chức cưới hỏi theo phong tục, có đăng ký kết hôn ngày 02/3/2005 tại Uỷ ban nhân dân (UBND) xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang theo đúng quy định của pháp luật. Khi kết hôn cả hai đều tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống với nhau tại Thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa Th được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu

thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã. Đến năm 2018 thì chị H đi làm công nhân, từ đó đến nay anh chị sống L thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị H, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được L hôn với chị Đặng Thị H.

Về con chung: anh chị có 02 con chung là Khổng Thị Quỳnh L, sinh ngày 17/10/2006 và Khổng Minh H1, sinh ngày 17/7/2008. Khi L hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, đất đai chung: anh và chị H tự thỏa Th không đề nghị Toà án giải quyết. Về vay nợ chung: không có.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H cố tình trốn tránh, giấu địa chỉ. Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị H không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Do đó Tòa án không tiến hành lấy lời khai và hòa giải được.

Tại biên bản xác minh ngày 02/4/2019, ông Khổng Minh T (bố đẻ của anh Khổng Văn Th) trình bày:

Anh Th và chị H kết hôn với nhau từ năm 2005, sau khi kết hôn ông có làm nhà, tách hộ khẩu cho gia đình anh Th ra ở riêng gần cạnh nhà ông. Thời gian đầu thấy vợ chồng anh Th sống H phúc, tuy nhiên từ khoảng đầu năm 2018 thì phát sinh mẫu thuẫn, vợ chồng anh Th thường xuyên cãi chửi xúc phạm nhau. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo ông là do chị H thường xuyên đi làm ăn xa, anh Th không đồng ý nhưng chị H vẫn kiên quyết bỏ đi từ đó dẫn đến bất đồng quan điểm. Từ năm 2018 đến nay anh Th và chị H sống L thân, thỉnh thoảng chị H về nhà thăm con xong lại đi luôn, gia đình nhưng không báo cho gia đình biết làm gì, ở đâu. Quan điểm của ông là anh Th và chị H mâu thuẫn đã trầm trọng, thời gian sống L thân đã lâu, gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Vì vậy Tòa án nên giải quyết cho anh Th ly hôn với chị H là phù hợp với hoàn cảnh cảnh thực tế.

Về việc giao nuôi con chung, ông cho rằng từ khi sống L thân, anh Th trực tiếp nuôi dưỡng các con, vì vậy Tòa án nên giao cả hai cháu cho anh Th nuôi là phù hợp.

Tại phiên toà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương phát biểu quan điểm: Toà án đã thụ lý, giải quyết vụ án L hôn sơ thẩm về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 147, 227, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Khổng Văn Th; xử cho anh Khổng Văn Th được ly hôn với chị Đặng Thị H. Giao cháu Khổng Thị Quỳnh L, sinh ngày 17/10/2006 và cháu Khổng Minh H1, sinh ngày 17/7/2008 cho anh Khổng Văn Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Các quan hệ về tài sản, đất đai, vay nợ không có tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Th và chị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S ngày 02/3/2005, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh Th và chị H là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anh Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giao nuôi con chung khi ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy, chị Đặng Thị H là lao động tự do đi làm ở các địa phương khác nhau nhưng vẫn thường xuyên đi về nhà, hiện tại vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại Thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vì vậy, căn cứ khoản 1, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

[3] Chị H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 3 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về yêu cầu ly hôn của anh Khổng Văn Th, HĐXX nhận định: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của chị H xác định: Anh Th và chị H kết hôn vào năm 2005. Sau khi kết hôn, anh chị làm ăn sinh sống tại Thôn Đ, xã T, huyện S. Khoảng từ giữa năm 2018, chị H bỏ đi làm ăn ở nhiều nơi, thỉnh thoảng có về địa phương nhưng không có thông tin khai báo tạm trú, tạm vắng nên chính quyền địa phương không biết chị H đi đâu, làm gì. Quá trình chung sống tại nơi cư trú, chính quyền địa phương chứng kiến việc anh Th và chị H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Việc mâu thuẫn vợ chồng và sống ly thân giữa anh Th và chị H cũng được chính người thân trong gia đình xác nhận. Anh Th xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị H, không thể quay về đoàn tụ được, trong suốt quá trình sống ly thân hai anh chị không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Từ đó cho thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh Th và chị H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin

ly hôn của anh Th là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc giao nuôi con chung khi ly hôn, HĐXX nhận định: anh Th và chị H có 02 con chung là cháu Khổng Thị Quỳnh L, sinh ngày 17/10/2006 và Khổng Minh H1, sinh ngày 17/7/2008. Từ khi sống ly thân (năm 2018) đến nay cháu L và cháu H1 sống cùng anh Th, hiện anh Th đang trực tiếp nuôi dưỡng. Cả hai cháu đều trên 07 tuổi, có nguyện vọng được sống cùng anh Th nếu bố mẹ ly hôn. Anh Th có chỗ ở ổn định và có thu nhập đảm bảo nuôi con. Chị H thường xuyên vắng mặt khỏi địa phương, thỉnh thoảng mới về thăm con, quá trình giải quyết vụ án chị H không có ý kiến gì về việc giao nuôi con. Tham vấn ý kiến của cán bộ chuyên trách về bảo vệ chăm sóc trẻ em tại địa phương có quan điểm, nếu anh Th và chị H ly hôn Tòa án nên giao cả hai cháu cho anh Th nuôi là phù hợp. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần giao cả cháu L và cháu H1 cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Anh Th không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung nên chị H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[6] Về tài sản, đất đai chung: Anh Th xác định anh và chị H tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét. Về công nợ chung: không có.

[7] Về án phí: Anh Th phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị H không phải nộp án phí.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 228, 264, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Khổng Văn Th về việc *Kiện Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* đối với chị Đặng Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Khổng Văn Th được ly hôn chị Đặng Thị H.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Khổng Thị Quỳnh L, sinh ngày 17/10/2006 và cháu Khổng Minh H1, sinh ngày 17/7/2008 cho anh Khổng Văn Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu L và cháu H1 đủ 18

tuổi. Chị Đặng Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Th phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số N^0 0000777 ngày 14 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Chị Đặng Thị H không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 19/6/2019), vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS dân sự huyện Sơn Dương;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Vũ Thái Thịnh – Dương Thị Sơn	**Nguyễn Văn Toàn**